

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

**Số: 08/HĐKT/LBC-CDYD**

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ các văn bản pháp luật hiện hành về việc ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng cung ứng của hai bên;

Hôm nay, ngày 28 tháng 08 năm 2019, tại Văn phòng Công ty TNHH Labochem Việt Nam. Chúng tôi gồm:

**BÊN MUA (Bên A): TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ Y - DƯỢC VIỆT NAM**

Địa chỉ: 116 Nguyễn Huy Tường - P. Hòa Minh - Q. Liên Chiểu - TP Đà Nẵng

Điện thoại: 0886556666

Tài khoản số:

Mã số thuế: 0400517480

Người đại diện: **Ông Nguyễn Văn Tuấn** - Chức vụ: **Hiệu trưởng**

**BÊN BÁN (Bên B): CÔNG TY TNHH LABOCHEM VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 44, ngõ 185, phố Minh Khai, P. Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: 024.6291.5416 Email: labochemvietnam@gmail.com

Tài khoản số: 12510000552883. Tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Đông Đô, Hà Nội

Mã số thuế: 0106195503

ĐKKD: 0106195503 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp

Người đại diện: **Ông Đào Lê Dũng** - Chức vụ: **Giám đốc**

Sau khi bàn bạc hai bên đã thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản cụ thể như sau:

**ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

- Bên B đồng ý bán, Bên A đồng ý mua một số loại thiết bị, dụng cụ với đơn giá, số lượng chi tiết theo phụ lục số 01 ngày 28/8/2019 đính kèm.
- Giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT: **102.452.900 (Một trăm linh hai triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm đồng)**
- Đơn giá là giá giao hàng tại kho của bên B tại Hà Nội và là đơn giá cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.

**ĐIỀU 2: QUY CÁCH - CHẤT LƯỢNG**

- Bên B cam kết cung cấp cho bên A các loại hàng hóa mới 100% đảm bảo về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa như đã thỏa thuận

### ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Hình thức và tiến độ thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản theo 2 lần như sau:
  - + Lần 1: Tạm ứng 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi hợp đồng được ký kết.
  - + Lần 2: Thanh toán nốt 50% còn lại khi có thông báo giao hàng.
- Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam đồng (VND)

### ĐIỀU 4: THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

- Địa điểm giao hàng: Văn phòng bên B
- Thời hạn giao hàng: 15-20 ngày kể từ ngày Bên B nhận được tiền tạm ứng.
- Cung cấp đầy đủ các chứng từ đối với các mặt hàng quy định tại điều 1 cho bên A bao gồm:
  - + Bản gốc Hoá đơn giá trị gia tăng;
  - + Giấy tờ khác có liên quan

### ĐIỀU 5: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu phát sinh vướng mắc các bên có trách nhiệm thông báo cho nhau bằng văn bản và tiến hành giải quyết bằng thương lượng.
- Trường hợp không thể giải quyết bằng thương lượng thì được đưa ra tòa án kinh tế thành phố Hà Nội để giải quyết. Phán quyết của tòa là phán quyết cuối cùng mà các bên phải tuân theo. Chi phí tòa án do bên thua chịu.

### ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên sẽ cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ký kết, không bên nào được đơn phương thay đổi, hủy bỏ hợp đồng hoặc nếu có thay đổi thì phải bằng văn bản có chữ ký xác nhận của hai bên mới có giá trị pháp lý.
- Khi có tranh chấp xảy ra, hai bên sẽ cùng bàn bạc giải quyết để đi đến thống nhất chung. Trong trường hợp hai bên không tự giải quyết được thì sẽ đưa ra Tòa án kinh tế thành phố Hà Nội. Quyết định của Tòa án kinh tế là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện. Án phí sẽ do bên sai chịu.
- Hợp đồng này sẽ được tự động thanh lý khi hai bên thực hiện đầy đủ các điều khoản theo hợp đồng
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký./.



HIỆU TRƯỞNG  
*Nguyễn Văn Tuấn*



GIÁM ĐỐC  
*Đào Lê Dũng*



# PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

( Số 01 ngày 28/8/2019 đính kèm Hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT/LBC - CDYD ngày 28/8/2019 )

**Đại diện bên mua: TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ Y - DƯỢC VIỆT NAM**

Địa chỉ: 116 Nguyễn Huy Tưởng - P. Hòa Minh - Q. Liên Chiểu - TP Đà Nẵng

Mã số thuế: 0400517480

Người đại diện: **Ông Nguyễn Văn Tuấn**

Chức vụ : **Hiệu trưởng**

**Đại diện bên bán: CÔNG TY TNHH LABOCHEM VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 44, Ngõ 185, Phố Minh Khai, P. Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Mã số thuế: 0106195503

Người đại diện: **Ông Đào Lê Dũng**

Chức vụ : **Giám đốc**

| STT | Tên hàng hóa                   | ĐVT | Số lượng | Đơn giá   | Thành tiền |
|-----|--------------------------------|-----|----------|-----------|------------|
| 1   | Đồng hồ bấm giây               | Cái | 4        | 100,000   | 400,000    |
| 2   | Giấy đo pH                     | Tệp | 40       | 6,000     | 240,000    |
| 3   | Lam kính                       | Hộp | 20       | 25,000    | 500,000    |
| 4   | Máy khuấy từ gia nhiệt         | Cái | 2        | 1,560,000 | 3,120,000  |
| 5   | Tủ sấy 70L                     | Cái | 1        | 4,800,000 | 4,800,000  |
| 6   | Bát sứ 100ml                   | Cái | 16       | 20,000    | 320,000    |
| 7   | Bát sứ 250ml                   | Cái | 8        | 60,000    | 480,000    |
| 8   | Bát sứ 60ml                    | Cái | 20       | 14,000    | 280,000    |
| 9   | Bình cầu đáy bằng 0,5L         | Cái | 20       | 72,000    | 1,440,000  |
| 10  | Bình cầu đáy bằng 1,0L         | Cái | 8        | 96,000    | 768,000    |
| 11  | Bình định mức 1000ml           | Cái | 8        | 54,000    | 432,000    |
| 12  | Bình định mức 100ml            | Cái | 8        | 26,000    | 208,000    |
| 13  | Bình định mức 10ml             | Cái | 20       | 22,000    | 440,000    |
| 14  | Bình định mức 250ml            | Cái | 8        | 30,000    | 240,000    |
| 15  | Bình định mức 25ml             | Cái | 20       | 24,000    | 480,000    |
| 16  | Bình định mức 500ml            | Cái | 4        | 38,000    | 152,000    |
| 17  | Bình định mức 50ml             | Cái | 20       | 24,000    | 480,000    |
| 18  | Bình định mức 5ml              | Cái | 20       | 19,000    | 380,000    |
| 19  | Bình hút ẩm không vôi Ø300     | Cái | 3        | 600,000   | 1,800,000  |
| 20  | Bình hút ẩm Ø300 có vôi        | Cái | 3        | 860,000   | 2,580,000  |
| 21  | Bình tam giác không nút 1000ml | Cái | 8        | 72,000    | 576,000    |
| 22  | Bình tam giác không nút 100ml  | Cái | 20       | 24,000    | 480,000    |
| 23  | Bình tam giác không nút 250ml  | Cái | 20       | 26,000    | 520,000    |
| 24  | Bình tam giác không nút 500ml  | Cái | 20       | 38,500    | 770,000    |
| 25  | Bình tam giác không nút 50ml   | Cái | 40       | 21,500    | 860,000    |
| 26  | Bình tam giác có nút 1000ml    | Cái | 8        | 114,000   | 912,000    |
| 27  | Bình tam giác có nút 100ml     | Cái | 4        | 54,000    | 216,000    |
| 28  | Bình tam giác có nút mài 250ml | Cái | 20       | 72,000    | 1,440,000  |
| 29  | Bình tam giác có nút 500ml     | Cái | 8        | 90,000    | 720,000    |
| 30  | Bình tam giác có nút 50ml      | Cái | 20       | 48,000    | 960,000    |
| 31  | Hộp lồng tiêu bản 180*240      | Cái | 4        | 120,000   | 480,000    |
| 32  | Buret không bạc chao 25ml      | Cái | 20       | 90,000    | 1,800,000  |
| 33  | Buret không bạc chao 50ml      | Cái | 8        | 114,000   | 912,000    |
| 34  | Kẹp cang cua                   | Cái | 20       | 60,000    | 1,200,000  |
| 35  | Chai công-tơ-gút trắng 125ml   | Cái | 40       | 14,500    | 580,000    |
| 36  | Chai công-tơ-gút trắng 60ml    | Cái | 40       | 18,000    | 720,000    |



|    |                              |     |     |         |         |
|----|------------------------------|-----|-----|---------|---------|
| 37 | Chai trắng MHNM 1000ml       | Cái | 8   | 54,000  | 432,000 |
| 38 | Chai trắng MHNM 125ml        | Cái | 30  | 30,000  | 900,000 |
| 39 | Chai trắng MHNM 250ml        | Cái | 20  | 42,000  | 840,000 |
| 40 | Chai trắng MHNM 500ml        | Cái | 20  | 43,000  | 860,000 |
| 41 | Chai trắng MHNM 60ml         | Cái | 30  | 27,500  | 825,000 |
| 42 | Chai trắng MRNM 1000ml       | Cái | 8   | 51,500  | 412,000 |
| 43 | Chai trắng MRNM 125ml        | Cái | 30  | 27,000  | 810,000 |
| 44 | Chai trắng MRNM 250ml        | Cái | 20  | 34,000  | 680,000 |
| 45 | Chai trắng MRNM 500ml        | Cái | 20  | 38,500  | 770,000 |
| 46 | Chai trắng MRNM 60ml         | Cái | 30  | 20,000  | 600,000 |
| 47 | Chén sứ 30ml                 | Cái | 8   | 25,000  | 200,000 |
| 48 | Chén cân 50*30               | Cái | 8   | 36,000  | 288,000 |
| 49 | Chổi rửa chai                | Cái | 20  | 12,000  | 240,000 |
| 50 | Chổi rửa ống nghiệm          | Cái | 20  | 10,000  | 200,000 |
| 51 | Cốc chân phễu 1000ml         | Cái | 8   | 110,000 | 880,000 |
| 52 | Cốc chân phễu 100ml          | Cái | 20  | 26,500  | 530,000 |
| 53 | Cốc chân phễu 250ml          | Cái | 8   | 30,000  | 240,000 |
| 54 | Cốc chân phễu 500ml          | Cái | 4   | 54,000  | 216,000 |
| 55 | Cốc đốt có vạch BM 1000ml    | Cái | 8   | 54,000  | 432,000 |
| 56 | Cốc đốt có vạch BM 100ml     | Cái | 40  | 21,500  | 860,000 |
| 57 | Cốc đốt có vạch BM 250ml     | Cái | 20  | 24,000  | 480,000 |
| 58 | Cốc đốt có vạch BM 500ml     | Cái | 20  | 36,000  | 720,000 |
| 59 | Cốc đốt có vạch BM 50ml      | Cái | 40  | 18,000  | 720,000 |
| 60 | Đèn cồn                      | Cái | 8   | 18,000  | 144,000 |
| 61 | Đũa thủy tinh 2 loại 20+30cm | Cái | 40  | 12,000  | 480,000 |
| 62 | Giá ống nghiệm 3 hàng inox   | Cái | 8   | 72,000  | 576,000 |
| 63 | Giá Pipet nhựa               | Cái | 8   | 72,000  | 576,000 |
| 64 | Giấy lọc định tính 9         | Hộp | 8   | 84,000  | 672,000 |
| 65 | Kẹp ống nghiệm gỗ            | Cái | 40  | 12,000  | 480,000 |
| 66 | Khay Inox                    | Cái | 8   | 78,000  | 624,000 |
| 67 | Mặt kính đồng hồ Ø6          | Cái | 20  | 9,500   | 190,000 |
| 68 | Mặt kính đồng hồ Ø8          | Cái | 20  | 12,000  | 240,000 |
| 69 | Nhiệt kế 100°C               | Cái | 8   | 12,000  | 96,000  |
| 70 | Nhiệt kế 200°C               | Cái | 4   | 18,000  | 72,000  |
| 71 | Ống đong 1000ml              | Cái | 3   | 110,000 | 330,000 |
| 72 | Ống đong 100ml               | Cái | 8   | 30,000  | 240,000 |
| 73 | Ống đong 10ml                | Cái | 20  | 19,000  | 380,000 |
| 74 | Ống đong 250ml               | Cái | 4   | 48,000  | 192,000 |
| 75 | Ống đong 25ml                | Cái | 20  | 21,500  | 430,000 |
| 76 | Ống đong 500ml               | Cái | 4   | 70,000  | 280,000 |
| 77 | Ống đong 50ml                | Cái | 8   | 24,000  | 192,000 |
| 78 | Ống đong 5ml                 | Cái | 20  | 17,000  | 340,000 |
| 79 | Ống nghiệm 10ml              | Cái | 150 | 3,600   | 540,000 |
| 80 | Ống nghiệm 20ml              | Cái | 80  | 4,800   | 384,000 |
| 81 | Phễu thủy tinh Ø7.5          | Cái | 20  | 18,000  | 360,000 |
| 82 | Phễu thủy tinh Ø10           | Cái | 20  | 24,000  | 480,000 |
| 83 | Pipet bầu 10ml               | Cái | 20  | 19,000  | 380,000 |
| 84 | Pipet bầu 2ml                | Cái | 20  | 15,000  | 300,000 |
| 85 | Pipet bầu 20 ml              | Cái | 8   | 25,000  | 200,000 |
| 86 | Pipet bầu 50 ml              | Cái | 4   | 55,000  | 220,000 |

TR  
CAO  
CÔNG  
Y - D  
VIỆT  
BỘ

19550  
ÔNG T  
TNHH  
BOCH  
IỆT NA  
TRUNG



|                |                                        |     |    |            |             |
|----------------|----------------------------------------|-----|----|------------|-------------|
| 87             | Pipet bầu 5 ml                         | Cái | 20 | 18,000     | 360,000     |
| 88             | Pipet bầu 1ml                          | Cái | 20 | 13,000     | 260,000     |
| 89             | Pipet thẳng 1.0ml                      | Cái | 20 | 10,000     | 200,000     |
| 90             | Pipet thẳng 10.0ml                     | Cái | 20 | 15,000     | 300,000     |
| 91             | Pipet thẳng 2.0ml                      | Cái | 20 | 12,000     | 240,000     |
| 92             | Pipet thẳng 20.0ml                     | Cái | 8  | 22,000     | 176,000     |
| 93             | Pipet thẳng 5.0ml                      | Cái | 4  | 13,000     | 52,000      |
| 94             | Pipet Pasteur                          | Cái | 40 | 7,000      | 280,000     |
| 95             | Quả bóp cao su                         | Cái | 20 | 22,000     | 440,000     |
| 96             | Nút công-tơ-gút                        | Cái | 20 | 3,600      | 72,000      |
| 97             | Ổng sinh hàn                           | Cái | 6  | 110,000    | 660,000     |
| 98             | Cân phân tích cơ                       | Cái | 1  | 11,000,000 | 11,000,000  |
| 99             | Đèn UV soi sắc ký 254 và 366nm         | Cái | 1  | 8,300,000  | 8,300,000   |
| 100            | Nồi cách thủy 2 chỗ                    | Cái | 3  | 1,560,000  | 4,680,000   |
| 101            | Máy li tâm 12 ống                      | Cái | 1  | 3,600,000  | 3,600,000   |
| 102            | Cân phân tích điện tử 10 <sup>-2</sup> | Cái | 1  | 2,500,000  | 2,500,000   |
| 103            | Cân phân tích 3 số lẻ                  | Cái | 1  | 4,800,000  | 4,800,000   |
| THÀNH TIỀN:    |                                        |     |    |            | 93,139,000  |
| THUẾ GTGT 10%: |                                        |     |    |            | 9,313,900   |
| TỔNG CỘNG:     |                                        |     |    |            | 102,452,900 |

(Bằng chữ: Một trăm linh hai triệu, bốn trăm năm mươi hai ngàn, chín trăm đồng)

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2019.

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA**



HIỆU TRƯỞNG

*Nguyễn Văn Luân*

**ĐẠI DIỆN BÊN BÁN**



GIÁM ĐỐC

*Đào Lê Dũng*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG**

**Số: 05/TLHĐ/LBC-CDYD**



- Căn cứ vào Hợp đồng số: 08/HĐKT/LBC-CDYD ký ngày 28 tháng 08 năm 2019 giữa Công ty TNHH Labochem Việt Nam và Trường Cao đẳng Y - Dược Việt Nam.

Hôm nay, ngày 04 tháng 10 năm 2019. Tại Văn phòng Công ty TNHH Labochem Việt Nam. Chúng tôi gồm:

**BÊN MUA (BÊN A): TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ Y - DƯỢC VIỆT NAM**

Địa chỉ: 116 Nguyễn Huy Tưởng - P. Hòa Minh - Q. Liên Chiểu - TP Đà Nẵng

Điện thoại: 0886556666

Tài khoản số:

Mã số thuế: 0400517480

Người đại diện: **Ông Nguyễn Văn Tuấn** - Chức vụ: **Hiệu trưởng**

**BÊN BÁN (BÊN B): CÔNG TY TNHH LABOCHEM VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 44, ngõ 185, phố Minh Khai, P. Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: 024.6291.5416 - Email: labochemvietnam@gmail.com

Tài khoản số: 12510000552883. Tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Đông Đô, Hà Nội

Mã số thuế: 0106195503

ĐKKD: 0106195503 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp

Người đại diện: **Ông Đào Lê Dũng** - Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên thống nhất ký Biên bản thanh lý Hợp đồng số: 08/HĐKT/LBC-CDYD ký ngày 28 tháng 08 năm 2019 với các nội dung sau:

**ĐIỀU 1: Nội dung**

Bên B đã tiến hành bàn giao các thiết bị, dụng cụ thí nghiệm cho Bên A theo hợp đồng số: 08/HĐKT/LBC-CDYD ký ngày 28 tháng 08 năm 2019.

**ĐIỀU 2: Giá trị thanh toán và phương thức thanh toán:**

- Tổng giá trị hàng hóa theo Hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT được hai bên nghiệm thu thanh toán là: **102.452.900 VNĐ**. (Một trăm linh hai triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm đồng).

- Tổng số tiền Bên A đã thanh toán cho Bên B đến hết ngày ..... tháng ..... năm 2019 là: **102.452.900 VNĐ**. (Một trăm linh hai triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm đồng).

- Vậy Bên A đã hoàn thành xong nghĩa vụ thanh toán cho bên B theo hợp đồng số: 08/HĐKT/LBC-CDYD ký ngày 28 tháng 08 năm 2019.

**ĐIỀU 3: Điều khoản chung**





Tính đến ngày ..... tháng ..... năm 2019 hai bên đã hoàn thành mọi nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng số: 08/HĐKT/LBC-CDYD ký ngày 28 tháng 08 năm 2019. Hai bên thống nhất thanh lý Hợp đồng số: 08/HĐKT/LBC-CDYD ký ngày 28 tháng 08 năm 2019 giữa Công ty TNHH Labochem Việt Nam và Trường Cao đẳng Công nghệ Y - Dược Việt Nam.

Biên bản thanh lý này được lập thành 04 bản gốc mỗi bên giữ 02 bản gốc, có giá trị pháp lý như nhau..

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



HIỆU TRƯỞNG  
*Nguyễn Văn Tuấn*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



GIÁM ĐỐC  
*Đào Lê Dũng*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

===== @ =====

BIÊN BẢN NGHIỆM THU BÀN GIAO

- Căn cứ Hợp đồng kinh tế số: 08/HĐKT/LBC - CDYD và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 28/8/2019.

Hôm nay, ngày 04. tháng 10. năm 2019. Chúng tôi gồm:

**Đại diện bên mua (Bên A): TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ Y - DƯỢC VIỆT NAM**

Địa chỉ: 116 Nguyễn Huy Tưởng, P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Mã số thuế: 0400517480

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Tuấn

- Chức vụ : Hiệu trưởng

Ông: Tổng Đức Vũ

- Chức vụ: CB Nhà trường

**Đại diện bên bán (Bên B): CÔNG TY TNHH LABOCHEM VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 44, ngõ 185, phố Minh Khai, P. Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Mã số thuế: 0106195503

Người đại diện: Ông Đào Lê Dũng

- Chức vụ : Giám đốc

Bà: Đoàn Thị Lụa

- Chức vụ: CBKD

Sau khi kiểm tra hai bên cùng đi đến thống nhất tổng giá trị thiết bị, dụng cụ mà Bên B đã bàn giao cho Bên A tính đến ngày 28 tháng 09 năm 2019 cụ thể như sau:

| STT | Tên hàng hóa                   | ĐVT | Số lượng | Đơn giá   | Thành tiền |
|-----|--------------------------------|-----|----------|-----------|------------|
| 1   | Đồng hồ bấm giây               | Cái | 4        | 100,000   | 400,000    |
| 2   | Giấy đo pH                     | Tệp | 40       | 6,000     | 240,000    |
| 3   | Lam kính                       | Hộp | 20       | 25,000    | 500,000    |
| 4   | Máy khuấy từ gia nhiệt         | Cái | 2        | 1,560,000 | 3,120,000  |
| 5   | Tủ sấy 70L                     | Cái | 1        | 4,800,000 | 4,800,000  |
| 6   | Bát sứ 100ml                   | Cái | 16       | 20,000    | 320,000    |
| 7   | Bát sứ 250ml                   | Cái | 8        | 60,000    | 480,000    |
| 8   | Bát sứ 60ml                    | Cái | 20       | 14,000    | 280,000    |
| 9   | Bình cầu đáy bằng 0,5L         | Cái | 20       | 72,000    | 1,440,000  |
| 10  | Bình cầu đáy bằng 1,0L         | Cái | 8        | 96,000    | 768,000    |
| 11  | Bình định mức 1000ml           | Cái | 8        | 54,000    | 432,000    |
| 12  | Bình định mức 100ml            | Cái | 8        | 26,000    | 208,000    |
| 13  | Bình định mức 10ml             | Cái | 20       | 22,000    | 440,000    |
| 14  | Bình định mức 250ml            | Cái | 8        | 30,000    | 240,000    |
| 15  | Bình định mức 25ml             | Cái | 20       | 24,000    | 480,000    |
| 16  | Bình định mức 500ml            | Cái | 4        | 38,000    | 152,000    |
| 17  | Bình định mức 50ml             | Cái | 20       | 24,000    | 480,000    |
| 18  | Bình định mức 5ml              | Cái | 20       | 19,000    | 380,000    |
| 19  | Bình hút âm không vòi Ø300     | Cái | 3        | 600,000   | 1,800,000  |
| 20  | Bình hút âm Ø300 có vòi        | Cái | 3        | 860,000   | 2,580,000  |
| 21  | Bình tam giác không nút 1000ml | Cái | 8        | 72,000    | 576,000    |
| 22  | Bình tam giác không nút 100ml  | Cái | 20       | 24,000    | 480,000    |
| 23  | Bình tam giác không nút 250ml  | Cái | 20       | 26,000    | 520,000    |
| 24  | Bình tam giác không nút 500ml  | Cái | 20       | 38,500    | 770,000    |
| 25  | Bình tam giác không nút 50ml   | Cái | 40       | 21,500    | 860,000    |
| 26  | Bình tam giác có nút 1000ml    | Cái | 8        | 114,000   | 912,000    |



|    |                                |     |    |         |           |
|----|--------------------------------|-----|----|---------|-----------|
| 27 | Bình tam giác có nút 100ml     | Cái | 4  | 54,000  | 216,000   |
| 28 | Bình tam giác có nút mài 250ml | Cái | 20 | 72,000  | 1,440,000 |
| 29 | Bình tam giác có nút 500ml     | Cái | 8  | 90,000  | 720,000   |
| 30 | Bình tam giác có nút 50ml      | Cái | 20 | 48,000  | 960,000   |
| 31 | Hộp lồng tiêu bản 180*240      | Cái | 4  | 120,000 | 480,000   |
| 32 | Buret không bạc chao 25ml      | Cái | 20 | 90,000  | 1,800,000 |
| 33 | Buret không bạc chao 50ml      | Cái | 8  | 114,000 | 912,000   |
| 34 | Kẹp càng cua                   | Cái | 20 | 60,000  | 1,200,000 |
| 35 | Chai công-tơ-gút trắng 125ml   | Cái | 40 | 14,500  | 580,000   |
| 36 | Chai công-tơ-gút trắng 60ml    | Cái | 40 | 18,000  | 720,000   |
| 37 | Chai trắng MHNM 1000ml         | Cái | 8  | 54,000  | 432,000   |
| 38 | Chai trắng MHNM 125ml          | Cái | 30 | 30,000  | 900,000   |
| 39 | Chai trắng MHNM 250ml          | Cái | 20 | 42,000  | 840,000   |
| 40 | Chai trắng MHNM 500ml          | Cái | 20 | 43,000  | 860,000   |
| 41 | Chai trắng MHNM 60ml           | Cái | 30 | 27,500  | 825,000   |
| 42 | Chai trắng MRNM 1000ml         | Cái | 8  | 51,500  | 412,000   |
| 43 | Chai trắng MRNM 125ml          | Cái | 30 | 27,000  | 810,000   |
| 44 | Chai trắng MRNM 250ml          | Cái | 20 | 34,000  | 680,000   |
| 45 | Chai trắng MRNM 500ml          | Cái | 20 | 38,500  | 770,000   |
| 46 | Chai trắng MRNM 60ml           | Cái | 30 | 20,000  | 600,000   |
| 47 | Chén sứ 30ml                   | Cái | 8  | 25,000  | 200,000   |
| 48 | Chén cân 50*30                 | Cái | 8  | 36,000  | 288,000   |
| 49 | Chổi rửa chai                  | Cái | 20 | 12,000  | 240,000   |
| 50 | Chổi rửa ống nghiệm            | Cái | 20 | 10,000  | 200,000   |
| 51 | Cốc chân phễu 1000ml           | Cái | 8  | 110,000 | 880,000   |
| 52 | Cốc chân phễu 100ml            | Cái | 20 | 26,500  | 530,000   |
| 53 | Cốc chân phễu 250ml            | Cái | 8  | 30,000  | 240,000   |
| 54 | Cốc chân phễu 500ml            | Cái | 4  | 54,000  | 216,000   |
| 55 | Cốc đốt có vạch BM 1000ml      | Cái | 8  | 54,000  | 432,000   |
| 56 | Cốc đốt có vạch BM 100ml       | Cái | 40 | 21,500  | 860,000   |
| 57 | Cốc đốt có vạch BM 250ml       | Cái | 20 | 24,000  | 480,000   |
| 58 | Cốc đốt có vạch BM 500ml       | Cái | 20 | 36,000  | 720,000   |
| 59 | Cốc đốt có vạch BM 50ml        | Cái | 40 | 18,000  | 720,000   |
| 60 | Đèn cồn                        | Cái | 8  | 18,000  | 144,000   |
| 61 | Đũa thủy tinh 2 loại 20+30cm   | Cái | 40 | 12,000  | 480,000   |
| 62 | Giá ống nghiệm 3 hàng inox     | Cái | 8  | 72,000  | 576,000   |
| 63 | Giá Pipet nhựa                 | Cái | 8  | 72,000  | 576,000   |
| 64 | Giấy lọc định tính 9           | Hộp | 8  | 84,000  | 672,000   |
| 65 | Kẹp ống nghiệm gỗ              | Cái | 40 | 12,000  | 480,000   |
| 66 | Khay Inox                      | Cái | 8  | 78,000  | 624,000   |
| 67 | Mặt kính đồng hồ Ø6            | Cái | 20 | 9,500   | 190,000   |
| 68 | Mặt kính đồng hồ Ø8            | Cái | 20 | 12,000  | 240,000   |
| 69 | Nhiệt kế 100°C                 | Cái | 8  | 12,000  | 96,000    |
| 70 | Nhiệt kế 200°C                 | Cái | 4  | 18,000  | 72,000    |
| 71 | Ống đong 1000ml                | Cái | 3  | 110,000 | 330,000   |
| 72 | Ống đong 100ml                 | Cái | 8  | 30,000  | 240,000   |
| 73 | Ống đong 10ml                  | Cái | 20 | 19,000  | 380,000   |
| 74 | Ống đong 250ml                 | Cái | 4  | 48,000  | 192,000   |
| 75 | Ống đong 25ml                  | Cái | 20 | 21,500  | 430,000   |
| 76 | Ống đong 500ml                 | Cái | 4  | 70,000  | 280,000   |



|            |                                        |     |     |            |             |
|------------|----------------------------------------|-----|-----|------------|-------------|
| 77         | Ống đong 50ml                          | Cái | 8   | 24,000     | 192,000     |
| 78         | Ống đong 5ml                           | Cái | 20  | 17,000     | 340,000     |
| 79         | Ống nghiệm 10ml                        | Cái | 150 | 3,600      | 540,000     |
| 80         | Ống nghiệm 20ml                        | Cái | 80  | 4,800      | 384,000     |
| 81         | Phễu thủy tinh Ø7.5                    | Cái | 20  | 18,000     | 360,000     |
| 82         | Phễu thủy tinh Ø10                     | Cái | 20  | 24,000     | 480,000     |
| 83         | Pipet bầu 10ml                         | Cái | 20  | 19,000     | 380,000     |
| 84         | Pipet bầu 2ml                          | Cái | 20  | 15,000     | 300,000     |
| 85         | Pipet bầu 20 ml                        | Cái | 8   | 25,000     | 200,000     |
| 86         | Pipet bầu 50 ml                        | Cái | 4   | 55,000     | 220,000     |
| 87         | Pipet bầu 5 ml                         | Cái | 20  | 18,000     | 360,000     |
| 88         | Pipet bầu 1ml                          | Cái | 20  | 13,000     | 260,000     |
| 89         | Pipet thẳng 1.0ml                      | Cái | 20  | 10,000     | 200,000     |
| 90         | Pipet thẳng 10.0ml                     | Cái | 20  | 15,000     | 300,000     |
| 91         | Pipet thẳng 2.0ml                      | Cái | 20  | 12,000     | 240,000     |
| 92         | Pipet thẳng 20.0ml                     | Cái | 8   | 22,000     | 176,000     |
| 93         | Pipet thẳng 5.0ml                      | Cái | 4   | 13,000     | 52,000      |
| 94         | Pipet Pasteur                          | Cái | 40  | 7,000      | 280,000     |
| 95         | Quả bóp cao su                         | Cái | 20  | 22,000     | 440,000     |
| 96         | Nút công-tơ-gút                        | Cái | 20  | 3,600      | 72,000      |
| 97         | Ống sinh hàn                           | Cái | 6   | 110,000    | 660,000     |
| 98         | Cân phân tích cơ                       | Cái | 1   | 11,000,000 | 11,000,000  |
| 99         | Đèn UV soi sắc ký 254 và 366nm         | Cái | 1   | 8,300,000  | 8,300,000   |
| 100        | Nồi cách thủy 2 chỗ                    | Cái | 3   | 1,560,000  | 4,680,000   |
| 101        | Máy li tâm 12 ống                      | Cái | 1   | 3,600,000  | 3,600,000   |
| 102        | Cân phân tích điện tử 10 <sup>-2</sup> | Cái | 1   | 2,500,000  | 2,500,000   |
| 103        | Cân phân tích 3 số lẻ                  | Cái | 1   | 4,800,000  | 4,800,000   |
| THÀNH TIỀN |                                        |     |     |            | 93,139,000  |
| THUẾ 10%   |                                        |     |     |            | 9,313,900   |
| TỔNG CỘNG  |                                        |     |     |            | 102,452,900 |

(Bảng chữ: Một trăm linh hai triệu, bốn trăm năm mươi hai ngàn, chín trăm đồng)

- Hai bên cùng thống nhất số liệu trên và ký vào biên bản để làm cơ sở thanh quyết toán.
- Biên bản được lập thành 02 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2019.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**





**HIỆU TRƯỞNG**  
*Nguyễn Văn Tuấn*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**





**GIÁM ĐỐC**  
*Đào Lê Dũng*





# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2019

Mẫu số (Form): 01GTKT0/001

Ký hiệu (Serial): LC/19E

Số (No.): 0000047



Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH LABOCHEM VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0106195503

Địa chỉ (Address): Số 44, Ngõ 185, Phố Minh Khai, P. Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại (Tel): 024.62915416

Email: Labochemvietnam@gmail.com

Số tài khoản (Account No.): 12510000552883

Ngân hàng (Bank): Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô, Hà Nội



Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): Trường Cao đẳng Công nghệ Y - Dược Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0400517480

Địa chỉ (Address): 116 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

Số tài khoản (Account No.):

Ngân hàng (Bank):

Hình thức thanh toán (Payment method): CK

| STT<br>(No.) | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Đơn vị tính<br>(Unit) | Số lượng<br>(Quantity) | Đơn giá<br>(Unit price) | Thành tiền<br>(Amount) |
|--------------|----------------------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1            | 2                                      | 3                     | 4                      | 5                       | 6 = 4 x 5              |
| 1            | Đồng hồ bấm giây                       | Cái                   | 4                      | 100.000                 | 400.000                |
| 2            | Giấy đo pH                             | Tệp                   | 40                     | 6.000                   | 240.000                |
| 3            | Lam kính                               | Hộp                   | 20                     | 25.000                  | 500.000                |
| 4            | Máy khuấy từ gia nhiệt                 | Cái                   | 2                      | 1.560.000               | 3.120.000              |
| 5            | Tủ sấy 70L                             | Cái                   | 1                      | 4.800.000               | 4.800.000              |
| 6            | Bát sứ 100ml                           | Cái                   | 16                     | 20.000                  | 320.000                |
| 7            | Bát sứ 250ml                           | Cái                   | 8                      | 60.000                  | 480.000                |
| 8            | Bát sứ 60ml                            | Cái                   | 20                     | 14.000                  | 280.000                |
| 9            | Bình cầu đáy bằng 0,5L                 | Cái                   | 20                     | 72.000                  | 1.440.000              |
| 10           | Bình cầu đáy bằng 1,0L                 | Cái                   | 8                      | 96.000                  | 768.000                |
| 11           | Bình định mức 1000ml                   | Cái                   | 8                      | 54.000                  | 432.000                |
| 12           | Bình định mức 100ml                    | Cái                   | 8                      | 26.000                  | 208.000                |
| 13           | Bình định mức 10ml                     | Cái                   | 20                     | 22.000                  | 440.000                |
| 14           | Bình định mức 250ml                    | Cái                   | 8                      | 30.000                  | 240.000                |
| 15           | Bình định mức 25ml                     | Cái                   | 20                     | 24.000                  | 480.000                |
| 16           | Bình định mức 500ml                    | Cái                   | 4                      | 38.000                  | 152.000                |
| 17           | Bình định mức 50ml                     | Cái                   | 20                     | 24.000                  | 480.000                |
| 18           | Bình định mức 5ml                      | Cái                   | 20                     | 19.000                  | 380.000                |
| 19           | Bình hút ẩm không vôi Ø300             | Cái                   | 3                      | 600.000                 | 1.800.000              |
| 20           | Bình hút ẩm Ø300 có vôi                | Cái                   | 3                      | 860.000                 | 2.580.000              |
| 21           | Bình tam giác không nút 1000ml         | Cái                   | 8                      | 72.000                  | 576.000                |



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Mẫu số (Form): 01GTKT0/001

Ký hiệu (Serial): LC/19E

Số (No.): 0000047

Ngày (date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2019

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH LABOCHEM VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0106195503

Địa chỉ (Address): Số 44, Ngõ 185, Phố Minh Khai, P. Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại (Tel): 024.62915416

Email: Labochemvietnam@gmail.com

Số tài khoản (Account No.): 12510000552883

Ngân hàng (Bank): Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển  
Việt Nam - CN Đông Đô, Hà Nội



Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): Trường Cao đẳng Công nghệ Y - Dược Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0400517480

Địa chỉ (Address): 116 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

Số tài khoản (Account No.):

Ngân hàng (Bank):

Hình thức thanh toán (Payment method): CK

| STT<br>(No.) | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Đơn vị tính<br>(Unit) | Số lượng<br>(Quantity) | Đơn giá<br>(Unit price) | Thành tiền<br>(Amount) |
|--------------|----------------------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1            | 2                                      | 3                     | 4                      | 5                       | 6 = 4 x 5              |
| 22           | Bình tam giác không nút 100ml          | Cái                   | 20                     | 24.000                  | 480.000                |
| 23           | Bình tam giác không nút 250ml          | Cái                   | 20                     | 26.000                  | 520.000                |
| 24           | Bình tam giác không nút 500ml          | Cái                   | 20                     | 38.500                  | 770.000                |
| 25           | Bình tam giác không nút 50ml           | Cái                   | 40                     | 21.500                  | 860.000                |
| 26           | Bình tam giác có nút 1000ml            | Cái                   | 8                      | 114.000                 | 912.000                |
| 27           | Bình tam giác có nút 100ml             | Cái                   | 4                      | 54.000                  | 216.000                |
| 28           | Bình tam giác có nút mài 250ml         | Cái                   | 20                     | 72.000                  | 1.440.000              |
| 29           | Bình tam giác có nút 500ml             | Cái                   | 8                      | 90.000                  | 720.000                |
| 30           | Bình tam giác có nút 50ml              | Cái                   | 20                     | 48.000                  | 960.000                |
| 31           | Hộp lồng tiêu bản 180*240              | Cái                   | 4                      | 120.000                 | 480.000                |
| 32           | Buret không bạc chao 25ml              | Cái                   | 20                     | 90.000                  | 1.800.000              |
| 33           | Buret không bạc chao 50ml              | Cái                   | 8                      | 114.000                 | 912.000                |
| 34           | Kẹp cẳng cưa                           | Cái                   | 20                     | 60.000                  | 1.200.000              |
| 35           | Chai công-tơ-gút trắng 125ml           | Cái                   | 40                     | 14.500                  | 580.000                |
| 36           | Chai công-tơ-gút trắng 60ml            | Cái                   | 40                     | 18.000                  | 720.000                |
| 37           | Chai trắng MHN 1000ml                  | Cái                   | 8                      | 54.000                  | 432.000                |
| 38           | Chai trắng MHN 125ml                   | Cái                   | 30                     | 30.000                  | 900.000                |
| 39           | Chai trắng MHN 250ml                   | Cái                   | 20                     | 42.000                  | 840.000                |
| 40           | Chai trắng MHN 500ml                   | Cái                   | 20                     | 43.000                  | 860.000                |
| 41           | Chai trắng MHN 60ml                    | Cái                   | 30                     | 27.500                  | 825.000                |
| 42           | Chai trắng MRNM 1000ml                 | Cái                   | 8                      | 51.500                  | 412.000                |





# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Mẫu số (Form): 01GTKT0/001

Ký hiệu (Serial): LC/19E

Số (No.): 0000047

Ngày (date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2019

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH LABOCHEM VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0106195503

Địa chỉ (Address): Số 44, Ngõ 185, Phố Minh Khai, P. Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại (Tel): 024.62915416

Email: Labochemvietnam@gmail.com

Số tài khoản (Account No.): 12510000552883

Ngân hàng (Bank): Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô, Hà Nội



Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): Trường Cao đẳng Công nghệ Y - Dược Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0400517480

Địa chỉ (Address): 116 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

Số tài khoản (Account No.):

Ngân hàng (Bank):

Hình thức thanh toán (Payment method): CK

| STT<br>(No.) | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Đơn vị tính<br>(Unit) | Số lượng<br>(Quantity) | Đơn giá<br>(Unit price) | Thành tiền<br>(Amount) |
|--------------|----------------------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1            | 2                                      | 3                     | 4                      | 5                       | 6 = 4 x 5              |
| 43           | Chai trắng MRNM 125ml                  | Cái                   | 30                     | 27.000                  | 810.000                |
| 44           | Chai trắng MRNM 250ml                  | Cái                   | 20                     | 34.000                  | 680.000                |
| 45           | Chai trắng MRNM 500ml                  | Cái                   | 20                     | 38.500                  | 770.000                |
| 46           | Chai trắng MRNM 60ml                   | Cái                   | 30                     | 20.000                  | 600.000                |
| 47           | Chén sứ 30ml                           | Cái                   | 8                      | 25.000                  | 200.000                |
| 48           | Chén cân 50*30                         | Cái                   | 8                      | 36.000                  | 288.000                |
| 49           | Chổi rửa chai                          | Cái                   | 20                     | 12.000                  | 240.000                |
| 50           | Chổi rửa ống nghiệm                    | Cái                   | 20                     | 10.000                  | 200.000                |
| 51           | Cốc chân phễu 1000ml                   | Cái                   | 8                      | 110.000                 | 880.000                |
| 52           | Cốc chân phễu 100ml                    | Cái                   | 20                     | 26.500                  | 530.000                |
| 53           | Cốc chân phễu 250ml                    | Cái                   | 8                      | 30.000                  | 240.000                |
| 54           | Cốc chân phễu 500ml                    | Cái                   | 4                      | 54.000                  | 216.000                |
| 55           | Cốc đốt có vạch BM 1000ml              | Cái                   | 8                      | 54.000                  | 432.000                |
| 56           | Cốc đốt có vạch BM 100ml               | Cái                   | 40                     | 21.500                  | 860.000                |
| 57           | Cốc đốt có vạch BM 250ml               | Cái                   | 20                     | 24.000                  | 480.000                |
| 58           | Cốc đốt có vạch BM 500ml               | Cái                   | 20                     | 36.000                  | 720.000                |
| 59           | Cốc đốt có vạch BM 50ml                | Cái                   | 40                     | 18.000                  | 720.000                |
| 60           | Đèn cồn                                | Cái                   | 8                      | 18.000                  | 144.000                |
| 61           | Đũa thủy tinh 2 loại 20+30cm           | Cái                   | 40                     | 12.000                  | 480.000                |
| 62           | Giá ống nghiệm 3 hàng inox             | Cái                   | 8                      | 72.000                  | 576.000                |
| 63           | Giá Pipet nhựa                         | Cái                   | 8                      | 72.000                  | 576.000                |

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106  
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://sinvoice.viettel.vn/tracuuhoadon>. Mã số bí mật: 2YVUEBMCUY

tiếp theo trang trước - Trang 3 of 4



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Mẫu số (Form): 01GTKT/001

Ký hiệu (Serial): LC/19E

Số (No.): 0000047

Ngày (date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2019

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH LABOCHEM VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0106195503

Địa chỉ (Address): Số 44, Ngõ 185, Phố Minh Khai, P. Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại (Tel): 024.62915416

Email: Labochemvietnam@gmail.com

Số tài khoản (Account No.): 12510000552883

Ngân hàng (Bank): Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển  
Việt Nam - CN Đông Đô, Hà Nội



Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): Trường Cao đẳng Công nghệ Y - Dược Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0400517480

Địa chỉ (Address): 116 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

Số tài khoản (Account No.):

Ngân hàng (Bank):

Hình thức thanh toán (Payment method): CK

| STT<br>(No.) | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Đơn vị tính<br>(Unit) | Số lượng<br>(Quantity) | Đơn giá<br>(Unit price) | Thành viên<br>(Amount) |
|--------------|----------------------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1            | 2                                      | 3                     | 4                      | 5                       | 6 = 4 x 5              |
| 64           | Giấy lọc định tính 9                   | Hộp                   | 8                      | 84.000                  | 672.000                |
| 65           | Kẹp ống nghiệm gỗ                      | Cái                   | 40                     | 12.000                  | 480.000                |
| 66           | Khay Inox                              | Cái                   | 8                      | 78.000                  | 624.000                |
| 67           | Mặt kính đồng hồ Ø6                    | Cái                   | 20                     | 9.500                   | 190.000                |
| 68           | Mặt kính đồng hồ Ø8                    | Cái                   | 20                     | 12.000                  | 240.000                |
| 69           | Nhiệt kế 100oC                         | Cái                   | 8                      | 12.000                  | 96.000                 |
| 70           | Nhiệt kế 200oC                         | Cái                   | 4                      | 18.000                  | 72.000                 |
| 71           | Ống đong 1000ml                        | Cái                   | 3                      | 110.000                 | 330.000                |
| 72           | Ống đong 100ml                         | Cái                   | 8                      | 30.000                  | 240.000                |
| 73           | Ống đong 10ml                          | Cái                   | 20                     | 19.000                  | 380.000                |
| 74           | Ống đong 250ml                         | Cái                   | 4                      | 48.000                  | 192.000                |
| 75           | Ống đong 25ml                          | Cái                   | 20                     | 21.500                  | 430.000                |
| 76           | Ống đong 500ml                         | Cái                   | 4                      | 70.000                  | 280.000                |
| 77           | Ống đong 50ml                          | Cái                   | 8                      | 24.000                  | 192.000                |
| 78           | Ống đong 5ml                           | Cái                   | 20                     | 17.000                  | 340.000                |
| 79           | Ống nghiệm 10ml                        | Cái                   | 150                    | 3.600                   | 540.000                |
| 80           | Ống nghiệm 20ml                        | Cái                   | 80                     | 4.800                   | 384.000                |
| 81           | Phễu thủy tinh Ø7.5                    | Cái                   | 20                     | 18.000                  | 360.000                |
| 82           | Phễu thủy tinh Ø10                     | Cái                   | 20                     | 24.000                  | 480.000                |
| 83           | Pipet bầu 10ml                         | Cái                   | 20                     | 19.000                  | 380.000                |
| 84           | Pipet bầu 2ml                          | Cái                   | 20                     | 15.000                  | 300.000                |

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106  
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://sinvoice.viettel.vn/tracuulhoadon>. Mã số bí mật: 2YVUEBMCUY





# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

## (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Mẫu số (Form): 01GTKT0/001

Ký hiệu (Serial): LC/19E

Số (No.): 0000047

Ngày (date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2019

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH LABOCHEM VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0106195503

Địa chỉ (Address): Số 44, Ngõ 185, Phố Minh Khai, P. Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại (Tel): 024.62915416

Email: Labochemvietnam@gmail.com

Số tài khoản (Account No.): 12510000552883

Ngân hàng (Bank): Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô, Hà Nội



Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): Trường Cao đẳng Công nghệ Y - Dược Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0400517480

Địa chỉ (Address): 116 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

Số tài khoản (Account No.):

Ngân hàng (Bank):

Hình thức thanh toán (Payment method): CK

| STT<br>(No.)                    | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Đơn vị tính<br>(Unit) | Số lượng<br>(Quantity)       | Đơn giá<br>(Unit price) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---------------------------------|----------------------------------------|-----------------------|------------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1                               | 2                                      | 3                     | 4                            | 5                       | 6 = 4 x 5              |
| 85                              | Pipet bầu 20 ml                        | Cái                   | 8                            | 25.000                  | 200.000                |
| 86                              | Pipet bầu 50 ml                        | Cái                   | 4                            | 55.000                  | 220.000                |
| 87                              | Pipet bầu 5 ml                         | Cái                   | 20                           | 18.000                  | 360.000                |
| 88                              | Pipet bầu 1ml                          | Cái                   | 20                           | 13.000                  | 260.000                |
| 89                              | Pipet thẳng 1.0ml                      | Cái                   | 20                           | 10.000                  | 200.000                |
| 90                              | Pipet thẳng 10.0ml                     | Cái                   | 20                           | 15.000                  | 300.000                |
| 91                              | Pipet thẳng 2.0ml                      | Cái                   | 20                           | 12.000                  | 240.000                |
| 92                              | Pipet thẳng 20.0ml                     | Cái                   | 8                            | 22.000                  | 176.000                |
| 93                              | Pipet thẳng 5.0ml                      | Cái                   | 4                            | 13.000                  | 52.000                 |
| 94                              | Pipet Pasteur                          | Cái                   | 40                           | 7.000                   | 280.000                |
| 95                              | Quả bóp cao su                         | Cái                   | 20                           | 22.000                  | 440.000                |
| 96                              | Nút công-tơ-gút                        | Cái                   | 20                           | 3.600                   | 72.000                 |
| 97                              | Ống sinh hàn                           | Cái                   | 6                            | 110.000                 | 660.000                |
| 98                              | Cân phân tích cơ                       | Cái                   | 1                            | 11.000.000              | 11.000.000             |
| 99                              | Đèn UV soi sắc ký 254 và 366nm         | Cái                   | 1                            | 8.300.000               | 8.300.000              |
| 100                             | Nồi cách thủy 2 chỗ                    | Cái                   | 3                            | 1.560.000               | 4.680.000              |
| 101                             | Máy li tâm 12 ống                      | Cái                   | 1                            | 3.600.000               | 3.600.000              |
| 102                             | Cân phân tích điện tử 10-2             | Cái                   | 1                            | 2.500.000               | 2.500.000              |
| 103                             | Cân phân tích 3 số lẻ                  | Cái                   | 1                            | 4.800.000               | 4.800.000              |
| Cộng tiền hàng (Total amount):  |                                        |                       |                              |                         | 93.139.000             |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10 % |                                        |                       | Tiền thuế GTGT (VAT amount): |                         | 9.313.900              |

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106  
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://sinvoice.viettel.vn/tracuhoadoan> . Mã số bí mật: 2YVUEBMCUY

tiếp theo trang trước - 1/1



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Mẫu số (Form): 01GTKT0/001

Ký hiệu (Serial): LC/19E

Số (No.): 0000047

Ngày (date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2019

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH LABOCHEM VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0106195503

Địa chỉ (Address): Số 44, Ngõ 185, Phố Minh Khai, P. Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại (Tel): 024.62915416

Email: Labochemvietnam@gmail.com

Số tài khoản (Account No.): 12510000552883

Ngân hàng (Bank): Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển  
Việt Nam - CN Đông Đô, Hà Nội



Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): Trường Cao đẳng Công nghệ Y - Dược Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0400517480

Địa chỉ (Address): 116 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

Số tài khoản (Account No.):

Ngân hàng (Bank):

Hình thức thanh toán (Payment method): CK

| STT<br>(No.)                               | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Đơn vị tính<br>(Unit) | Số lượng<br>(Quantity) | Đơn giá<br>(Unit price) | Thành tiền<br>(Amount) |
|--------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1                                          | 2                                      | 3                     | 4                      | 5                       | 6 = 4 x 5              |
| TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (Total payment): |                                        |                       |                        |                         | 102.452.900            |

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một trăm lẻ hai triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn chín trăm đồng

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY TNHH LABOCHEM VIỆT NAM

